

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN MINH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43/2020/DS-ST**

Ngày: 23 - 9 - 2020

*“V/v tranh chấp hợp đồng  
dân sự góp hui”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Tới

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Đoàn Thị Huệ

2. Ông Cao Thành sơn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Hồng Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa:**  
Ông Trần Văn Ý, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 76/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp “Hợp đồng dân sự góp hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2019/QĐXXST- DS ngày 29 tháng 11 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/QĐST-DS ngày 03/01/2020, thông báo mở phiên tòa số: 71/2020/TB-MPT, ngày 14/9/2020 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Bà Lưu Thị Đ, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: ấp K Q A, xã V K T, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

\* Bị đơn: - Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1971 (có mặt);

- Ông Trần Văn K, sinh năm 1954 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp K Q A, xã V K , huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2018 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Lưu Thị Đ trình bày và yêu cầu như sau:**

Vào ngày 09/6/2017 Tòa án huyện An Minh có hòa giải vụ án dân sự thụ lý số 91/2017/TLST-DS ngày 03/5/2017 giữa bà và bà G, ông K. Khi đó còn lại 95.000.000 đồng chưa mãn hạn, cụ thể như sau:

- Hạn ngày 25/5/2015 al ông K, bà G có tham gia 01 phần hạn, loại hạn 1.000.000 đồng, do bà làm chủ hạn, mỗi tháng khai hạn 01 lần, bà đã khởi kiện đến tháng 03/2017, còn lại từ tháng 04/2017 đến ngày mãn hạn (tháng 06/2017) là 03 lần bằng 3.000.000 đồng (*Năm nhuận*).

- Hạn ngày 15/12/2015 al ông K, bà G có tham gia 01 phần hạn, loại hạn 5.000.000 đồng, do bà làm chủ hạn, mỗi tháng khai hạn 01 lần, bà đã khởi kiện đến tháng 03/2017, còn lại từ tháng 04/2017 đến ngày mãn hạn (tháng 02/2018) là 13 lần bằng 65.000.000 đồng.

- Hạn ngày 30/3/2016 al ông K, bà G có tham gia 01 phần hạn, loại hạn 3.000.000 đồng, do bà làm chủ hạn, mỗi tháng khai hạn 01 lần, bà đã khởi kiện đến tháng 03/2017, còn lại từ tháng 04/2017 đến ngày mãn hạn tháng 10/2017 là 09 lần bằng 27.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 09/6/2017 của Tòa án huyện An Minh, sau khi cân nhắc, bà G, ông K thừa nhận còn nợ bà tổng cộng là 294.900.000 đồng, trong đó hạn chết đến ngày khởi kiện là 199.900.000 đồng, hạn chưa đến ngày khai hạn là 95.000.000 đồng.

Đến nay các hạn hạn đều đã mãn hạn nên bà yêu cầu bà G, ông K trả cho bà 95.000.000 đồng, ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

**\* Tại biên bản ngày 20/6/2019, 28/6/2019 bị đơn bà Nguyễn Thị G, ông Trần Văn K trình bày như sau:**

Ông K, bà G, thừa nhận nội dung ghi trong biên bản hòa giải ngày 09/6/2017 của Tòa án huyện An Minh ghi là đúng, ông bà Thừa nhận là còn nợ bà Đ tiền hạn là 294.900.000 đồng, Tòa án đã ghi nhận sự thỏa thuận của ông bà với bà Đ nợ hạn đến tháng 03/2017 là 199.900.000 đồng, còn lại 95.000.000 đồng chưa thỏa thuận, vì chưa khởi kiện và chưa đến ngày khai hạn.

Còn hạn hạn 5.000.000 đồng, bà có đưa tiền cho bà Đ góp hạn sống 02 lần bằng 7.000.000 đồng, theo bà biết do chị Bé Tý - chủ hạn nói: Bà Đ lĩnh hạn vào kỳ khai hạn lần thứ 3, được 105.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu khấu trừ vào 199.900.000 đồng theo quyết định số 60/2017/QĐST-DS ngày 19/6/2017 của Tòa án huyện An Minh, còn lại bà đồng ý trả cho bà Đ.

**\* Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu.

Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn và bị đơn Nguyễn Thị G thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn Trần Văn K thực hiện chưa đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể: Bị đơn ông Trần Văn K không có mặt theo thông

báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 56/TB-TA ngày 07/5/2019 của Tòa án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Đ đối với bị đơn ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị G.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án nên Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự và đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Ngày 03/01/2020 Tòa án mở phiên tòa và Quyết định hoãn phiên tòa. Ngày 14/9/2020 Tòa án thông báo mở lại phiên tòa ngày hôm nay.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử xác định mối quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự góp hui.

[3] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên họp hòa giải ngày 09/6/2017 (BL 28 đến 31), ông K, bà G thừa nhận có nợ bà Đ tiền hui chết tính đến tháng 03/2017 là 231.000.000 đồng và 95.000.000 đồng chưa đến ngày khai hui. Sau khi thỏa thuận, cần trừ nợ 31.100.000 đồng, còn lại 199.900.000 đồng và Tòa án đã công nhận sự thỏa thuận của các đương sự 199.900.000 đồng. Còn lại 95.000.000 đồng chưa đến ngày khai hui nên Tòa án chưa ghi nhận, đến nay các dây hui này đều đã mãn hui.

Tại phiên họp hòa giải ngày 28/6/2019 ông K, bà G thừa nhận còn nợ bà Đ tiền hui là 95.000.000 đồng, tại phiên tòa hôm nay ông K, bà G yêu cầu được đối trừ vào 199.900.000 đồng theo quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 60/2017/QĐST-DS ngày 19/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện An Minh. Xét thấy lời trình bày và yêu cầu của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận. Bởi tại phiên họp hòa giải ngày 09/6/2017 (vụ án thụ lý số 91/2017/TLST-DS ngày 03/5/2017) ông K, bà G đã thừa nhận còn nợ bà Đ 95.000.000 đồng tiền hui chết nhưng chưa đến ngày khai hui. Do đó, lời trình bày và yêu cầu của bà Đ là có cơ sở để chấp nhận. Mặt khác, lời trình bày của chủ hui chị Lưu Bé Tý là trùng khớp với lời khai của bà Lưu Thị Đ là bà Đ lĩnh hui được hơn 90.000.000 đồng. Đối chiếu với giấy ghi hui thì bà Đ đã khấu trừ 92.000.000

đồng này vào số tiền nợ hui và tiền vay còn nợ trước đó. Ngoài ra tại biên bản hòa giải ngày 20/3/2017 của Ban lãnh đạo ấp Kim Qui A, xã Vân Khánh, bà Nguyễn Thị G thừa nhận còn nợ bà Lưu Thị Đ 295.000.000 đồng, do không thống nhất về số tiền xin trả dần hàng tháng nên bà Đ khởi kiện tại Tòa án và theo biên bản hòa giải ngày 09/6/2017 của Tòa án thì bà G và ông K thừa nhận còn nợ bà Đ tổng cộng là 294.900.000 đồng, trong đó nợ đã đến ngày khai hui là 199.900.000 đồng và nợ chưa đến ngày khai hui là 95.000.000 đồng. Tại phiên tòa, các bên đương sự thừa nhận đến nay các dây hui này đều đã mãn hui, nhưng từ tháng 04 năm 2017 đến nay bà G và ông K chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà Đ. Vì vậy, sau khi thảo luận, nghị bàn, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Đ, cũng như đề nghị của Kiểm sát viên, áp dụng Điều 27 luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6, khoản 2 Điều 30 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hui, họ, biêu, phường. Buộc ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị G trả cho bà Lưu Thị Đ tiền nợ hui là 95.000.000 đồng.

**[4] Về án phí:** Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Buộc ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.750.000đ (95.000.000đ x 5%); bà Lưu Thị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Lưu Thị Đ 2.375.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo lai thu số: 0006222 ngày 26/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh.

***Vì các lẽ trên:***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 173 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 27 luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6, khoản 2 Điều 30 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hui, họ, biêu, phường.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu của bà Lưu Thị Đ đối với ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị G

Buộc ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị G trả cho bà Lưu Thị Đ 95.000.000 đồng tiền hui (*chín mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Buộc ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị G chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.750.000 đồng.

Hoàn trả lại cho bà Lưu Thị Đ 2.375.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo lai thu số: 0006222 ngày 26/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh.

Báo quyền kháng cáo: Nguyên đơn Lưu Thị Đ, bị đơn ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị G có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện AM
- Chi cục THADS huyện AM;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

**Trần Văn Tới**